TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 20/2025/QĐST-VDS	*Văn Giang, ngày 21 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: **"*Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*"**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Bùi Vũ Thu Giang** - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà **Vũ Thị Thu Giang** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên họp: Bà **Lý Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 42/2024/TLST-VDS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về *"Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi"* theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2025/QĐST-VDS ngày 14 tháng 4 năm 2025.

- Người yêu cầu: Ông **Bùi Xuân T**, sinh năm 1955.

HKTT: Thôn Vĩnh Lộc, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Bùi Quang T1,** sinh năm 1985.
2. Bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1958.
3. Chị **Bùi Thị C1**, sinh năm 1980.
4. Chị **Bùi Thị C2**, sinh năm 1982.
5. Chị **Đàm Thị M**, sinh năm 1976.
6. Cháu **Bùi Thành C3**, sinh ngày 26/5/2007.
7. Cháu **Bùi Kim N**, sinh ngày 31/12/2014.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Bùi Thành C3 và cháu Bùi Kim N: Chị Đàm Thị M là mẹ đẻ các cháu.

Cùng HKTT: Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh H.

8. Chị **Bùi Thị N1**, sinh năm 1988.

HKTT: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh H.

- *Người làm chứng*:

1. Bà **Bùi Thị B**, sinh năm 1961.

HKTT: Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh H

2. Ông **Chu Thế C4**, sinh năm 1954

HKTT: Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh H

Tại phiên họp, vắng mặt ông T, anh T1, bà C, chị C1, chị C2, chị M, cháu C3, cháu N, chị N1, bà B, ông C4 đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu - ông Bùi Xuân T trình bày:

Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1955, và vợ là bà Phạm Thị C, sinh năm 1958 cùng có hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh H, ông Tu và bà C có 04 con chung là Bùi Thị C1, sinh năm 1980; Bùi Thị C2, sinh năm 1982; Bùi Quang T, sinh năm 1985; Bùi Thị N1, sinh năm 1988. Ngoài 04 người con trên ông bà không có con riêng và không nhận ai làm con nuôi hợp pháp.

Năm 2005, anh Bùi Quang T1 là con trai của ông T, bà C đã kết hôn với chị Đàm Thị M, sinh năm 1976 và có 02 con chung là cháu Bùi Thành C3, sinh ngày 26/5/2007 và cháu Bùi Kim N, sinh ngày 31/12/2014.

Các con của ông T, bà C đều phát triển bình thường. Anh Bùi Quang T1 khi lên 10 tuổi bị bạn học ném vật cứng vào đầu dẫn đến bị viêm não, để lại di chứng động kinh, đần dại, liệt và co quắp tay phải có biểu hiện thần kinh không như người bình thường, không nhận thức được vấn đề gì. Sau khi bị bệnh anh T1 không đi học được nữa nên gia đình cho anh T1 nghỉ học, hiện nay anh T1 có biết chữ, nhưng đọc rất khó khăn đọc mãi không được một dòng chữ và không viết được. Anh T1 chỉ phát triển về mặt thể chất không phát triển về mặt tinh thần, anh T1 không giao tiếp được, chỉ ngồi một chỗ hoặc nằm một chỗ không đi lại được, tâm thần kinh nhận thức chậm chạp. Quá trình sinh hoạt hàng ngày vệ sinh ăn uống không tự làm được mà phải có người nhà chăm sóc, giúp đỡ, không tự lao động hay làm được công việc gì. Thỉnh thoảng anh T1 có xuất hiện nhiều cơn co động kinh cục bộ nửa người (4 – 5 cơn) trong ngày. Mỗi cơn kéo dài 2 – 3 phút. Trong cơn anh T1 mất ý thức, mắt trợn ngược.

Vào khoảng cuối năm 2014, gia đình thấy anh ít ngủ, cơn động kinh diễn ra nhiều hơn, có ngày tới 2 – 3 cơn, gia đình đã đưa anh T1 đến Bệnh viện Tâm thần kinh Hưng Yên điều trị, bác sĩ kết luận bệnh là bị động kinh, rối loạn tâm thần; bệnh kèm theo là tàn tật, chậm phát triển tâm thần (vừa).

Vào khoảng tháng 4 năm 2024, do bệnh của anh T1 không đỡ tiếp tục tái phát, nên gia đình đưa anh T1 đến Khoa Thần kinh nội tiết của Bệnh viện Đa

khoa tỉnh Hưng Yên khám và điều trị. Bác sĩ chuẩn đoán bệnh của anh là động kinh /Tăng men gan.

Năm 2024, anh T1 được Uỷ ban nhân dân xã T cấp Giấy xác nhận khuyết tật mức độ khuyết tật nặng.

Anh T1 được hưởng trợ cấp xã hội từ tháng 9/2019. Hiện nay, anh T1 được nhà nước trợ cấp xã hội 540.000 đồng/tháng.

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ông T đề nghị Tòa án tuyên bố con trai ông là anh Bùi Quang T1 bị mất năng lực hành vi dân sự theo quy định và đề nghị Tòa án chỉ định ông T là người giám hộ cho anh Bùi Quang T1.

Ngày 14/4/2025 ông T có đơn thay đổi yêu cầu giải quyết việc dân sự đề nghị Tòa án tuyên bố con trai ông là anh Bùi Quang T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và đề nghị Tòa án chỉ định ông T làm người giám hộ cho anh Bùi Quang T1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị C, chị Bùi Thị C1, chị Bùi Thị C2, chị Bùi Thị N1, chị Đàm Thị M, cháu Bùi Thành C3, cháu Bùi Kim N đều khẳng định gia đình có 04 anh chị em và tình trạng sức khỏe thể chất, tinh thần của anh T1 như ông T trình bày và nhất trí với yêu cầu của ông T đề nghị Tòa án tuyên bố anh Bùi Quang T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và nhất trí đề nghị Toà án chỉ định ông Bùi Xuân T là người giám hộ cho anh Bùi Quang T1.

Những người làm chứng là bà Bùi Thị B và ông Chu Thế C4 đều là hàng xóm gần nhà ông T đều xác nhận: Gia đình ông T, bà C có 04 con chung và tình trạng sức khỏe thể chất, tinh thần của anh T1 đúng như ông T trình bày và xác nhận ông Bùi Xuân T là người có đầy đủ tư cách đạo đức, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, có đủ điều kiện sức khỏe, kinh tế để giám hộ, chăm sóc cho anh Bùi Quang T1.

Kết quả xác minh tại chính quyền thôn V,, UBND xã T thể hiện: Gia đình ông T, bà C có 04 con chung, trong đó có anh Bùi Quang T1 có hiện tượng thần kinh không được bình thường. Hiện nay anh T1 không đi lại được chỉ nằm hoặc ngồi một chỗ, thần kinh chậm chạp, không được khôn ngoan. Những hoạt động hàng này như ăn uống, vệ sinh đều cần có người thân giúp đỡ, anh T1 không tự lao động được.

Anh Bùi Quang T1 nằm trong danh sách công dân được hưởng trợ cấp xã hội do thuộc diện người khuyết tật vận động mức độ nặng. Anh T1 được hưởng trợ cấp xã hội hiện nay mức 540.000 đồng/tháng.

Kết quả xác minh tại trạm y tế xã T: Bệnh nhân Bùi Quang T1 được chỉ định cấp phát thuốc hàng tháng về bệnh động kinh, rối loạn tâm thần. Mỗi tháng anh Trịnh nhận thuốc 02 lần, mỗi lần nhận những loại thuốc và liều lượng như

sau: Thuốc Mylepsin 0,2g x 30 viên ngày uống 02 viên; thuốc tisercine 0,025g x 15 viên ngày uống 01 viên; thuốc vitamin B1 0,01g x 60 viên ngày uống 04 viên.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Toà án nhân dân huyện Văn Giang đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 42/2024/QĐ-TCGĐ ngày 20/11/2024 trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương thực hiện giám định sức khoẻ tâm thần đối với Bùi Quang T1. Tại kết luận giám định sức khoẻ tâm thần theo trưng cầu số 91/KLGĐ ngày 09/4/2025 của Viện pháp y tâm thần trung ương đã kết luận: *"Tại thời điểm giám định đối tượng Bùi Quang T1 bị bệnh động kinh toàn thể cơ lớn + chậm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số G40.6 + F71. Đối tượng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi".*

Tại phiên họp hôm nay:

- Ông T và những người liên quan vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và thể hiện nôi dung đề nghị Tòa án tuyên bố con trai ông là anh Bùi Quang T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và đề nghị Tòa án chỉ định ông T làm người giám hộ cho anh Bùi Quang T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự theo khoản 1 điều 27, điểm a khoản 2 điều 35, điểm a khoản 2 điều 39, điều 363, 365, 366, 369, 377 Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 362, 367, 376 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ điều 23, 46, 47, 49, 57, 58 Bộ luật dân sự; Điều 370, 378 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Thẩm phán chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Bùi Xuân T, tuyên bố anh Bùi Quang T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, đồng thời chỉ định ông Bùi Xuân T là người giám hộ cho anh T1, ông T có quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo điều 57, 58 Bộ luật dân sự.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Toà án nhân dân huyện Văn Giang nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Toà án: Yêu cầu về việc "Tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi" là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án, quy định tại khoản 1 Điều 27 của Bộ luật tố tụng

dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Quang T1 cư trú tại thôn V, xã T, huyện V tỉnh H nên theo quy định tại khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

[2]Về quyền yêu cầu: Ông Bùi Xuân T là bố đẻ anh Bùi Quang T1 Theo quy định tại khoản 1 Điều 376 Bộ luật tố tụng dân sự ông T là người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu Toà án tuyên bố anh Bùi Quang T1 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

[3] Tại phiên họp, người yêu cầu ông T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà C, chị C1, chị C2, chị M, cháu C3, cháu N, chị N1 và những người làm chứng đều vắng mặt. Những người vắng mặt đều đã có lời khai xin vắng mặt tại phiên họp. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người này.

[4]. Về yêu cầu tuyên bố anh Bùi Quang T1 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi: Căn cứ vào đơn yêu cầu, lời khai của người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, Trạm y tế xác định: Anh Bùi Quang T1 từ nhỏ bị bạn học ném vật cứng vào đầu khiến anh T1 bị viêm não, để lại di chứng động kinh, đần dại, liệt và co quắp tay phải, từ đó sức khoẻ tâm thần kinh không phát triển như những người bình thường, quá trình sinh hoạt hàng ngày anh T1 không giao tiếp được, chỉ ngồi một chỗ hoặc nằm một chỗ không đi lại được, tâm thần kinh nhận thức chậm chạp, vệ sinh ăn uống hàng ngày không tự làm được mà phải có người nhà chăm sóc, giúp đỡ, anh T1 không tự lao động hay làm được công việc gì, sống phụ thuộc vào gia đình và luôn cần có người thân ở bên cạnh chăm sóc, giúp đỡ. Hiện tại, anh T1 thuộc đối tượng được bảo trợ xã hội theo diện người khuyết tật vận động mức độ nặng, được trợ cấp 540.000 đồng/tháng.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Toà án nhân dân huyện Văn Giang đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 42/2024/QĐ-TCGĐ ngày 20/11/2024 trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương thực hiện giám định sức khoẻ tâm thần đối với Bùi Quang T1.

Tại kết luận giám định sức khoẻ tâm thần theo trưng cầu số 91/KLGĐ ngày 09/4/2025 của Viện pháp y tâm thần trung ương đã kết luận: *"Tại thời điểm giám định đối tượng Bùi Quang T1 bị bệnh động kinh toàn thể cơ lớn + chậm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số G40.6 + F71. Đối tượng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi".*

Ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Bùi Quang T1 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đồng ý với yêu cầu này của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của ông T.

Như vậy, yêu cầu của ông T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T1 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 23 Bộ luật dân sự.

[5] Về yêu cầu cử người giám hộ: Vợ anh T1 là chị Đàm Thị M có đủ điều kiện là người giám hộ đương nhiên cho anh T1 nhưng chị M từ chối là người giám hộ cho anh T1 và đồng ý cử ông T là người giám hộ cho anh T1. Ông T là bố đẻ anh T1 đang ở chung với vợ chồng anh T1 là người có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, không có hành vi vi phạm pháp luật, hiện đang cùng với bà C, chị M chăm sóc nuôi dưỡng anh T1. Anh T1 đồng ý cử ông T là người giám hộ cho mình. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà C chị C1, chị C2, chị N1, chị M, cháu C3, cháu N đều nhất trí cử ông Triệu là người giám hộ cho anh T1. Do đó việc ông T đề nghị Tòa án chỉ định ông là người giám hộ cho anh T là phù hợp với quy định tại Điều 46, 47, 49 và 53 Bộ luật dân sự, có căn cứ chấp nhận.

[6] Về lệ phí: Ông Bùi Xuân T là người cao tuổi, có đơn xin miễn lệ phí căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn lệ phí dân sự cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, 361, 363, 365, 366, 367, 370, 371, 372, 376, 377, 378 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 23, Điều 48, Điều 49, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 134, Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Xuân T.

Tuyên bố anh Bùi Quang T1, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Chỉ định ông Bùi Xuân T, sinh năm 1955, hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh H là người giám hộ cho anh Bùi Quang T1.

Ông Bùi Xuân T có nghĩa vụ chăm sóc, bảo đảm việc điều trị bệnh cho anh T1. Đồng thời ông T có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của anh T1 theo quy định pháp luật.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Miễn lệ phí dân sự cho ông Bùi Xuân T.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Bùi Vũ Thu Giang